

NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH TRONG KHOA NGHIÊN CỨU VĂN HỌC DÂN GIAN

NGUYỄN XUÂN KÍNH*

Tóm tắt: Khi người ta tổ chức nghiên cứu liên ngành thì có nhiều ngành khoa học tham gia, trong đó có ngành khoa học đóng vai trò trung tâm, vai trò chính. Ngành nào đóng vai trò trung tâm, vai trò chính do mục đích nghiên cứu hoặc do tính chất tư liệu của ngành ấy quy định. Một nhà khoa học khi cần thiết sẽ sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành. Đứng trên lập trường của khoa nghiên cứu văn học dân gian, vận dụng các tri thức dân tộc học, PGS. Chu Xuân Diên đã lí giải mới mẻ và thành công về cái chết của mẹ con người di ghê trong truyện cổ tích *Tấm Cám*. Không nên vì liên ngành mà khoa nghiên cứu văn học dân gian tự đánh mất mình hoặc nhận thức về mình thiếu đầy đủ, chính xác. Một vài nhà dân tộc học, sử học do chưa nắm vững tri thức của khoa nghiên cứu văn học dân gian nên đã sai lầm khi bước vào lĩnh vực folklore ngôn từ. Một nhà sử học, khảo cổ học đã giải thích sử thi là thơ chép sử. Mỗi nhà chuyên môn nên đào sâu và phát triển tri thức khoa học chuyên ngành, trước và trong khi nghiên cứu liên ngành không nên đánh mất ngành mình và cần hiểu đúng tri thức khoa học của ngành khác.

Từ khóa: tổ chức nghiên cứu liên ngành, phương pháp nghiên cứu liên ngành, văn học dân gian, văn học viết, dân tộc học.

INTERDISCIPLINARY RESEARCH IN FOLKLORE STUDIES

Abstract: Interdisciplinary research involves the collaboration of multiple academic disciplines, with one discipline typically assuming a central or primary role. This central position is determined by either the research objectives or the nature of the research materials. Researchers may adopt interdisciplinary methods as needed. For example, drawing on ethnological knowledge, Associate Professor Chu Xuân Diên offered a novel and convincing interpretation of the deaths of the stepmother and her daughter in the folktale *Tấm and Cám*. However, interdisciplinary research should not compromise the identity of folklore studies or result in an incomplete or inaccurate understanding of the discipline. Some ethnologists and historians, lacking a strong foundation in folklore studies, have produced erroneous interpretations when analyzing verbal folklore. Similarly, some historians have interpreted historical legends solely as poetic records of historical events. Researchers in all disciplines should continually deepen their expertise. Throughout interdisciplinary research, they must maintain the integrity of their own discipline while seeking an accurate understanding of the knowledge and methodologies of other fields.

Keywords: interdisciplinary research organization, interdisciplinary research methodology, folk literature, written literature, ethnology.

Ngày nhận bài: 05.7.2026; ngày gửi phản biện: 05.7.2026;

ngày nhận bài sửa: 15.7.2026; ngày duyệt đăng: 20.7.2026.

* GS.TS. - Viện Nghiên cứu Văn hóa. Email: xuankinhnguyen@yahoo.com

Có khi nhiều ngành khoa học được tập hợp lại để nghiên cứu một đề tài, cũng có khi một nhà chuyên môn vận dụng tri thức của ngành khác để giải quyết vấn đề nghiên cứu. Ở đây, chúng tôi trình bày về hai thành công dễ thấy của tổ chức nghiên cứu liên ngành; giới thiệu trường hợp nhà nghiên cứu văn học dân gian vận dụng thành công tri thức của dân tộc học; lưu ý rằng, không nên vì nghiên cứu liên ngành mà khoa nghiên cứu văn học dân gian tự đánh mất mình hoặc nhận thức về mình thiếu đầy đủ, chính xác; giải thích hiện tượng một số nhà chuyên môn ngoài ngành văn học dân gian chưa thành công khi nghiên cứu, xử lý folklore ngôn từ; và cuối cùng rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.

1. Hai thành công dễ thấy của việc tổ chức nghiên cứu liên ngành

Đứng về mặt tổ chức nghiên cứu, khi phải xử lý những đề tài khoa học rộng lớn, tức là khi phải đề cập đến nhiều thực thể khác nhau và nhiều đối tượng khoa học khác nhau thì cần tổ chức nghiên cứu liên ngành. Theo GS. Đinh Gia Khánh, “tổ chức nghiên cứu liên ngành huy động nhiều ngành khoa học khác nhau, nhưng trong quá trình nghiên cứu thì mỗi ngành khoa học vẫn giữ tính chất độc lập của mình, vẫn tuân theo phương pháp tiếp cận của mình, vẫn sử dụng những phương pháp mà nhà khoa học cho là thích hợp hơn cả với phương hướng tiếp cận của ngành khoa học. Trong tổ chức nghiên cứu liên ngành thường có một ngành khoa học giữ vai trò trung tâm, nói cho đúng hơn là giữ vai trò tổ chức. Vai trò ấy được quy định bởi những điều kiện khác nhau; thí dụ như mục tiêu cuối cùng của đề tài nghiên cứu hoặc tính chất của tư liệu nghiên cứu...”¹.

Kết quả của đề tài nghiên cứu về thời Hùng Vương do Viện Khảo cổ học chủ trì là các báo cáo, tham luận tại các hội nghị khoa học từ năm 1986 đến năm 1971, được Nhà xuất bản Khoa học xã hội công bố thành bốn tập *Hùng Vương dựng nước* (1970-1974). “Bằng vào các cứ liệu của khảo cổ học và các ngành khoa học khác (như văn nghệ dân gian, dân tộc học, ngôn ngữ học, mỹ thuật học, nhân học, cổ sinh học, thư tịch học...), kết hợp với việc vận dụng phương pháp phân tích của khoa học hiện đại để nghiên cứu và xác minh, các nhà nghiên cứu đã nhất trí thừa nhận thời kì Hùng Vương là *có thật*, đó là *thời kì dựng nước* của dân tộc ta; khẳng định văn hóa thời Hùng Vương là một nền văn hóa *bản địa, lâu đời*, và đã phát triển tới một trình độ cao”².

Tiếp tục những đợt sưu tầm do cán bộ cơ quan kết hợp với cán bộ văn hóa địa phương thực hiện từ những năm 80 của thế kỉ trước, từ giữa năm 2001 đến hết năm 2007, Viện Nghiên cứu Văn hóa (mà tiền thân là Ban Văn hóa dân gian, Viện Văn hóa dân gian, Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian) là chủ công của Dự án Điều tra, sưu tầm, bảo quản, biên dịch và xuất bản kho tàng sử thi Tây Nguyên do Chính phủ giao cho Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn

¹ Đinh Gia Khánh, “Phương pháp tổng hợp trong nghiên cứu folklore,” trong *Văn hóa dân gian những phương pháp nghiên cứu*, Viện Văn hóa dân gian, (NXB Khoa học xã hội, 1990), 12-13.

² Nhà xuất bản Khoa học xã hội, *10 năm Nhà xuất bản Khoa học xã hội 1967-1977*, (NXB Khoa học xã hội, 1977), 75. (Những chỗ in nghiêng là do sách này nhấn mạnh. Trong đề tài rộng lớn và quan trọng này, nhà nghiên cứu văn học dân gian Đinh Gia Khánh tham gia bằng bản báo cáo “Xác định giá trị của truyền thuyết đối với việc tìm hiểu lịch sử thời đại Hùng Vương”).

quốc gia (nay là Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam) chủ trì, phối hợp với các tỉnh Tây Nguyên và phụ cận thực hiện. Tiếp theo, từ đầu năm 2009 đến đầu năm 2012, Viện Nghiên cứu Văn hóa thực hiện đề tài trọng điểm cấp bộ Phiên âm, biên dịch, xuất bản 25 tác phẩm sử thi Tây Nguyên. Chỉ tính riêng về khâu xuất bản, cho năm 2012, trong bộ *Kho tàng sử thi Tây Nguyên*, tổng số sử thi được công bố là 107 tác phẩm (in trong 91 quyển sách khổ lớn). Mỗi tác phẩm đều có bài giới thiệu về nội dung và nghệ thuật, có phần phiên âm tiếng dân tộc và bản dịch tiếng Việt. Chân dung nghệ nhân hát kể được in trang trọng. Tác phẩm có quy mô lớn được in trong hai quyển; đối với tác phẩm ngắn hơn thì nhiều tác phẩm in trong một quyển. Cơ quan chịu trách nhiệm công bố là Nhà xuất bản Khoa học xã hội.¹

Đó là những thành quả của hàng trăm nghệ nhân, cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác văn hóa và nghiên cứu ở địa phương, nhà khoa học trung ương. Đóng góp vào sự nghiệp sưu tầm, xuất bản, nghiên cứu sử thi, do tính chất của tư liệu và mục tiêu của công việc, ngành nghiên cứu văn học dân gian đóng vai trò trung tâm, so với các ngành dân tộc học, mỹ thuật học, âm nhạc học,...

2. Trường hợp nhà nghiên cứu văn học dân gian thành công trong nghiên cứu liên ngành

Không chỉ một tập thể các nhà chuyên môn, mà một nhà khoa học cũng sử dụng phương pháp liên ngành khi cần thiết. Có nhiều người thành công trong nghiên cứu liên ngành. Ở đây, chúng tôi chỉ phân tích trường hợp PGS. Chu Xuân Diên.

Trong 38 năm (1960 - 1998) nghiên cứu và giảng dạy văn học dân gian, nhìn chung PGS. Chu Xuân Diên đã vận dụng thành công tri thức của ngành nghiên cứu văn học viết khi khảo sát thi pháp văn học dân gian (tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích). Năm 1999, ông càng nổi tiếng khi vận dụng tri thức dân tộc học với bài viết “Về cái chết của mẹ con người dì ghẻ trong truyện *Tám Cám*”. Tác giả đã đi vào tâm điểm tạo nên những ý kiến khác nhau về truyện này. Đó là tình tiết Tám gội nước sôi cho Cám chết và tình tiết Tám đem xác Cám làm mắm gửi cho dì ghẻ ăn.

Năm 1895, khi giới thiệu truyện *Neang Kantoc* của Campuchia, Leclère đã so sánh truyện đó với truyện *Tám Cám* của ta, khen rằng truyện đó hay hơn vì cô Kantoc đã không có hành động trừng phạt cô em như cô Tám đã làm; việc cô Tám làm là phạm tội ác². Mới đây, trong bộ sách *Văn học Chăm tiếp cận qua văn bản*, PGS.TS. Trương Văn Món giới thiệu văn bản và phân tích chuyện *Chàng Dalim Bal Lak*. Ông nhận xét: “Truyện này phê phán sự ganh tị, hãm hại giữa hai chị cả và em út trong gia đình, khuyên chúng ta sống thiện, biết giúp đỡ lẫn nhau. Trong truyện Chăm ít có sự trả thù nhân vật phản diện như kiểu truyện *Tám Cám* của người Kinh”³. Với nhà nghiên cứu Trương Văn Món, việc nhân vật chính diện (kiểu như cô

¹ Nguyễn Xuân Kính, *Trên đường tìm hiểu văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam*, (NXB Văn hóa dân tộc, 2019), 769.

² Đinh Gia Khánh, *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tám Cám*, (NXB Văn học, 1968), 96-97.

³ Trương Văn Món, *Văn học Chăm tiếp cận qua văn bản*, tập 2, (NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2025), 24.

Tâm của người Kinh) không trả thù khốc liệt nhân vật phản diện (kiểu như cô Cám) là “sự khác biệt đầy ấn tượng” trong văn học dân gian Chăm nói chung, trong truyện cổ tích thần kỳ Chăm nói riêng.

Theo GS. Đinh Gia Khánh, “trong truyện của Việt Nam, phải để cô Tấm trừng phạt Cám như vậy thì mới được chân thực. Trong cuộc đấu tranh dai dẳng và quyết liệt, cô Tấm nhất định phải rút được kinh nghiệm xương máu là nếu mẹ di ghẻ và con Cám còn sống thì chúng sẽ không để cho cô sống. Giữa hai cách xử sự sau đây phải chọn lấy một: để cho chúng sống rồi lại giết mình lần thứ năm, hay là giết chúng đi để có thể sống yên lành. Cô Tấm bắt buộc phải chọn cách thứ hai. Việc Tấm giết Cám và mẹ di ghẻ không hề làm giảm đạo đức của cô, làm giảm cái đẹp của hình tượng nhân vật. Đạo đức có tính chiến đấu và cái đẹp của chính nghĩa không loại trừ sự căm ghét kẻ thù gian ác và sự tiêu diệt kẻ thù nếu nó không đầu hàng. (...). Nhưng ở đây quả là có vấn đề nên trừng phạt kẻ thù như thế nào? (...). Cô Tấm giết mẹ di ghẻ và con Cám như thế là hợp tình, hợp lý và hình tượng cô gái đó sẽ kém phần đẹp nếu tác giả dân gian để cho cô có thái độ nhu nhược hoặc thỏa hiệp với kẻ thù gian ác. Tuy vậy cô Tấm sẽ còn đẹp hơn nữa nếu cô không dùng những hình thức tàn khốc (giết bằng nước sôi, làm mắm thịt con cho mẹ ăn) để trừng trị bọn tội phạm, (...)”¹. Tác giả viết tiếp: “Chúng ta nên thông cảm với mối thù chồng chất của nông dân đối với địa chủ. Và tiếng quạ kêu “Ngon ngon ngon ngon, mẹ ăn thịt con, có còn xin miếng” chính là lời mỉa mai khoái trá của nông dân đòi đòi kiếp kiếp nguyên rủa bọn địa chủ gian ác”².

GS. Nguyễn Đồng Chi và Thạc sĩ Phạm Hải Triều giống nhau ở chỗ không tán thành cái kết thúc của câu chuyện. GS. Nguyễn Đồng Chi cho rằng, “cái ác trong kết cục “Tấm Cám” - một hành vi trả đũa có phần hả hê nhưng cũng góp ghiếc lại gần như là một môtip du nhập từ ngoài tới chứ không phải *nội sinh*”³. Theo tác giả, “tính chừng mực về “độ” là một nét trong tâm lý dân tộc chúng ta”⁴, “nghệ thuật truyện cổ tích Việt Nam không cho phép đẩy tình tiết tới những kết cục không có hậu”⁵. Nhà giáo Phạm Hải Triều viết rằng, “đây là môtip quá xa lạ với tư duy xử thế của người Việt, nó xuất hiện duy nhất có một lần trong toàn bộ kho tàng truyện cổ Việt Nam”, “có lẽ lược bỏ đoạn cuối truyện “Tấm Cám” là hợp lý với cách nghĩ của người Việt”⁶.

Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên thuật lại cuộc trò chuyện với nhà văn Nguyễn Quang Lập xung quanh cái chết của mẹ con người di ghẻ. Hai ông đều cho rằng, “cái thiện thắng, cái ác phải bị trừng trị”. Đây là quy luật đấu tranh khi sự sống của bên này nghĩa là cái chết của bên kia và ngược lại. Tinh thần của truyện là như thế. Còn hành động của Tấm “giết Cám, làm

¹ Đinh Gia Khánh, *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám*, 97-98.

² Như trên, 98.

³ Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 5, (Viện Văn học xuất bản, 1993, 2467), (chỗ in nghiêng là do N.Đ.C nhấn mạnh).

⁴ Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 5, 2463-2464.

⁵ Như trên, tập 5, 2466.

⁶ Phạm Hải Triều, “Thử phân tích vài biểu hiện của đặc điểm nhân ái trong truyện cổ tích Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 1 (1996), 29.

mắm cho mẹ Cám ăn” chỉ là cái thể hiện, nói theo ngôn ngữ học là cái biểu đạt, không nên hiểu nó theo nghĩa đen, cụ thể. Hành động đó không phải là man rợ, nó chỉ nhằm thể hiện tư tưởng “ác giả, ác báo” mà thôi”¹.

Thạc sĩ Bùi Văn Tiêng cho rằng, Tấm là “*một nhân cách chưa toàn vẹn và chính sự khiếm khuyết này làm nên một cái độc đáo*” của tác phẩm². Việc Tấm lấy xác Cám làm mắm rồi bỏ vào chĩnh gửi về cho mẹ Cám để buộc bà ta phải chết với tư cách một người mẹ là “chỗ thiếu nhân văn nhất trong *cách ứng xử nhân sinh của Tấm*, nhưng lại là chỗ nhân văn hơn cả trong *cách ứng xử nghệ thuật của tác giả Tấm Cám*. Thì ra, một người hiền dụ đến như Tấm vẫn có thể trở thành cực kỳ độc ác, vì thế, muốn tự hoàn thiện nhân cách, con người phải hết sức cảnh giác với nguy cơ tha hóa do những tác động của hoàn cảnh khách quan”³.

PGS. Hoàng Tiến Tựu phân tích các tình tiết của truyện *Tấm Cám* để chỉ rõ “mối quan hệ và sự phù hợp giữa hành động trả thù với logic phát triển tính cách của Tấm”⁴. “Logic phát triển tính cách” ấy được GS. Đinh Gia Khánh gọi là “sự phát triển của nhân vật cô Tấm từ thể thụ động sang thể chủ động”⁵. GS. cho rằng, cô Tấm là nhân vật lý tưởng của truyện cổ tích, “vừa xinh đẹp vừa nết na. Nhưng cái đẹp nổi bật nhất của cô là ở tinh thần đấu tranh kiên cường. (...). Cô gái ngây thơ đó, khi cần thì đã biết căm thù, cô gái dịu hiền đó, khi cần thiết thì đã biết đấu tranh. Biết yêu và biết ghét, đó là hai mặt khăng khít trong tình cảm của nhân dân”⁶.

Không bị “vướng víu trong cái lưới của các phạm trù văn học thành văn”⁷, PGS. Chu Xuân Diên đã đi đến những kiến giải hoàn toàn khác với GS. Đinh Gia Khánh và các tác giả đã nêu. Theo ông, đoạn kết nói về cái chết của mẹ con cô Cám là một thành phần của cốt truyện *Tấm Cám*, mang tính chất của đơn vị môtip trong truyện dân gian. Phương pháp nghiên cứu môtip như là một thành phần cấu tạo của cốt truyện dân gian có khả năng giúp người nghiên cứu tìm ra được những lời giải đáp khác. Các tình tiết làm thành đoạn kết của truyện *Tấm Cám* “không phải là do “quyền tự do sáng tạo của tác giả dân gian” mà là *những môtip, hay đúng hơn, những biến thể của những môtip vốn có nguồn gốc từ thực tại và quan niệm về thực tại của những con người thời xưa*”⁸. Bằng cách sử dụng một nguồn tư liệu phong phú truyện cổ tích các dân tộc ở Việt Nam và truyện cổ tích thế giới, làm rõ sự khác nhau giữa bản kể của Vũ Ngọc Phan (năm 1966) và bản kể truyện *Tấm Cám* ở Nam

¹ Phạm Xuân Nguyên, “Đôi điều suy nghĩ về truyện *Tấm Cám*”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 2 (1994), 50.

² Bùi Văn Tiêng, “Bàn về cách ứng xử nghệ thuật của truyện cổ tích *Tấm Cám*”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 4 (1996), 24, (chỗ in nghiêng là do B.V.T nhấn mạnh).

³ Bùi Văn Tiêng, “Bàn về cách ứng xử nghệ thuật của truyện cổ tích *Tấm Cám*”, 25.

⁴ Hoàng Tiến Tựu, *Bình giảng truyện dân gian*, (NXB Giáo dục, 1994), 113.

⁵ Đinh Gia Khánh, *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám*, 84.

⁶ Như trên, 95-96.

⁷ Khi nhận xét: “Truyện cổ tích phản ánh hiện thực theo phương pháp lãng mạn chủ nghĩa” (sdd, tr.103), GS. Đinh Gia Khánh đã không chính xác, bởi chủ nghĩa lãng mạn là một trào lưu sáng tác ra đời ở văn học viết phương Tây từ cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX. Nó hết sức xa lạ với văn học dân gian. Không phải thuật ngữ nào của khoa nghiên cứu văn học viết cũng phù hợp với khoa nghiên cứu văn học dân gian. Trên đây là thí dụ về việc nhà nghiên cứu văn học dân gian không thành công khi sử dụng tri thức của ngành khoa học khác.

⁸ Chu Xuân Diên, “Về cái chết của mẹ con người đi ghè trong truyện *Tấm Cám*”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 2 (1999), 13, (chỗ in nghiêng là do C.X.D nhấn mạnh).

Bộ do G. Jeanneau sưu tầm ở Mỹ Tho năm 1886, PGS. Chu Xuân Diên phân tích thấu đáo và đi đến nhận xét một cách thuyết phục đoạn kết của câu chuyện đang đề cập. Theo ông, ở đây có ba môtip của truyện cổ tích. Thứ nhất là cái ác bị trừng phạt. Môtip này bao giờ cũng đi đôi với môtip cái thiện được ban thưởng. Thứ hai là môtip sự bất chước không thành công (Tắm ngã vào hồ vôi/ nước vôi → chết → tái sinh thành người đẹp. Cắm chết trong nước sôi → chết → không tái sinh). Rất nhiều môtip truyện dân gian có nguồn gốc từ nghi lễ trưởng thành, một trong những thiết chế đặc trưng trong chế độ thị tộc. Thứ ba là môtip mù đi ghê - phù thủy ăn thịt người. Trong gia đình nguyên thủy cổ điển, không có người đi ghê (mẹ kế). Hình thức hôn nhân lúc đó là con cô lấy con cậu. Những người vợ của cha hoặc có khả năng trở thành vợ của cha đều là chị em, do đó đều được gọi là mẹ như người mẹ chính thức. Khi chế độ hôn nhân thời nguyên thủy tan rã, tức là khi người chồng lấy vợ sau là người ngoài dòng họ của người vợ trước thì lúc đó người vợ sau của cha không còn là người mẹ của cô gái mà trở thành mẹ kế. Người mẹ kế này trở thành “xa lạ”, một mối quan hệ “ghẻ lạnh” xuất hiện giữa mẹ kế và con riêng của chồng. Trong các truyện cổ tích về đi ghê - con chồng, người mẹ kế thường có những đặc điểm của kẻ ăn thịt người. Về mặt dân tộc học, đối với người nguyên thủy, người vợ kế là người ngoài bộ lạc và những người ở các bộ lạc khác được coi là những kẻ thù thực sự, những bọn ăn thịt người. Hành động làm mất Cắm cho đi ghê ăn gắn liền với môtip mẹ ăn thịt con. Môtip này là biến dạng của một môtip trong kiểu truyện về những đứa trẻ bị bỏ rơi trong rừng, trong đó đứa trẻ đã đánh lừa mẹ phù thủy ăn thịt người bằng cách giết con của mẹ để thay thế mình.

PGS. Chu Xuân Diên kết luận: “Truyện *Tám Cắm* là một truyện cổ tích. Truyện cổ tích có cách mở đầu: “Ngày xưa ngày xưa...”. Tính chất *cổ xưa* của truyện *Tám Cắm* trước hết do đề tài, cốt truyện và các môtip của nó có *nguồn gốc* từ những thực tại và quan niệm về thực tại của con người từ “ngày xưa ngày xưa”, chứ không phải là *sự phản ánh trực tiếp* các sự kiện lịch sử - xã hội của các *thời kỳ lịch sử sau này* và *quan niệm của con người thuộc các thời kỳ lịch sử sau này* về những sự kiện ấy. Tính chất *cổ xưa* của truyện cổ tích còn thể hiện ra ở chỗ những *hành động* và đặc điểm tính cách của nhân vật trong truyện cổ tích nếu đối với người “ngày xưa ngày xưa” là hợp lí, thì đối với người ngày nay là *vô lí*. (...). Vì thế không nên bằng cách bình luận văn học (viết.- N.X.K thêm) và thậm chí cả bằng cách “sửa chữa” truyện cổ tích theo hướng *hợp lý hóa* cho phù hợp với tư duy logic của con người hiện nay mà làm mất đi cái vô lí ấy của truyện cổ tích”¹.

Như vậy để giải thích, để hiểu đúng những tác phẩm văn học dân gian, đặc biệt là những tác phẩm thuộc các thể loại truyện cổ tích, sử thi, thơ ca nghi lễ, thần chú, câu đố cần phải dựa vào dân tộc học. Theo PGS. Chu Xuân Diên, khi nêu nguyên tắc này, GS. Propp không phải là nhà nghiên cứu văn học dân gian theo khuynh hướng dân tộc hóa văn học dân gian, đối lập với khuynh hướng quan niệm văn học dân gian là một loại hình nghệ thuật, có nhiều điểm gần

¹ Chu Xuân Diên, “Về cái chết của mẹ con người đi ghê trong truyện *Tám Cắm*”, 32, (những chỗ in nghiêng là do C.X.D nhấn mạnh).

gửi và giống văn học viết (còn gọi là văn học thành văn). Khi phân tích cái chết của mẹ con người di ghê trong truyện *Tám Cám*, Chu Xuân Diên đứng trên lập trường của người nghiên cứu văn học dân gian, vận dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, tức là tìm đến sự hỗ trợ của các dữ liệu dân tộc học.

3. Không nên vì liên ngành mà khoa nghiên cứu văn học dân gian tự đánh mất mình hoặc nhận thức về mình thiếu đầy đủ, chính xác

3.1. Như trên đã nói, trong nghiên cứu liên ngành, bên cạnh ngành khoa học trung tâm, giữ vai trò tổ chức, các ngành khác vẫn giữ tính độc lập của mình. Vậy mà ở chuyên ngành đào tạo văn học dân gian, đã có luận văn thạc sĩ với tên gọi *Nghiên cứu hiện tượng làng cười dưới góc độ nhân học văn hóa (trường hợp làng cười Văn Lang, Phú Thọ)* (2012), luận án tiến sĩ với tên gọi *Huyền thoại về nguồn gốc các tộc người Việt Nam tiếp cận từ góc độ nhân học văn hóa* (2018). Trong cuộc họp đánh giá bản luận án, một thành viên Hội đồng thuộc chuyên ngành nhân học văn hóa nhận xét rằng, bản luận án này đem bảo vệ ở ngành nhân học cũng được. Một thành viên thuộc chuyên ngành văn học dân gian lại chưa thỏa mãn với việc nghiên cứu sinh vận dụng tri thức của chuyên ngành văn học dân gian. Tôi cũng là thành viên Hội đồng đánh giá. Tôi cũng còn nhớ từ khi nghiên cứu sinh bảo vệ đề cương, khi tôi lưu ý rằng đây là luận án thuộc chuyên ngành văn học dân gian thì người chủ trì cuộc họp trả lời rằng dần dần ngành văn học dân gian sẽ hòa tan vào ngành nhân học. Tôn trọng cơ sở đào tạo, nhận thấy nghiên cứu sinh rất có năng lực, làm việc nghiêm túc, giống như các thành viên khác của Hội đồng đánh giá, tôi cũng bỏ phiếu thuận. Tuy vậy, tôi vẫn nghĩ rằng, trong khi ngành này chưa tan vào ngành kia (và tan cũng không dễ), không nên tái diễn việc cơ sở đào tạo này làm thay việc cho cơ sở đào tạo khác không cùng chuyên ngành.

3.2. Khoảng hai chục năm gần đây, Việt Nam quan tâm đến trào lưu/ hướng nghiên cứu bối cảnh/ trình diễn trong khoa nghiên cứu folklore ở Hoa Kỳ. Trong số bảy công trình của Richard Bauman, Viện Nghiên cứu văn hóa tổ chức biên dịch bài báo “Nghệ thuật ngôn từ truyền miệng như một hình thức diễn xướng” và công bố năm 2005¹. Có ba luận án tiến sĩ được thực hiện ở hai cơ sở đào tạo sau đại học tại thành phố Hồ Chí Minh vận dụng lý thuyết và kinh nghiệm nghiên cứu của trào lưu vừa nêu. Đó là *Nghiên cứu truyện dân gian Khmer Nam Bộ theo hướng tiếp cận bối cảnh* của Huỳnh Vũ Lam (2015), *Truyện cổ dân gian Việt Nam và Myanmar nghiên cứu theo hướng tiếp cận bối cảnh (sinh hoạt Phật giáo)* của Nguyễn Hữu Nghĩa (2016), *Nghiên cứu folklore trong bối cảnh - lý thuyết và ứng dụng (trên cứ liệu tục ngữ Việt Nam)* của Lê Thị Thanh Vy (2020). Tại cơ sở đào tạo Học viện Khoa học xã hội (thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam), trong luận án *Dân ca nghi lễ trong đời sống*

¹ Xem: a/ Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan chủ biên, *Folklore thế giới một số công trình nghiên cứu cơ bản*, (NXB Khoa học xã hội, 2005), 744-803; b/ Lê Thị Thanh Vy, 2020, *Nghiên cứu folklore trong bối cảnh – lý thuyết và ứng dụng (trên cứ liệu tục ngữ Việt Nam)*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 83.

Tác giả nhận xét rằng một số người viết/nói về trào lưu nghiên cứu folklore trong bối cảnh hiểu chưa đầy đủ về trào lưu này.

văn hóa của người Dao Tuyển ở Việt Nam (2017), trong phần lý thuyết, Bàn Thị Quỳnh Giao vận dụng Richard Bauman. Là một trong số những người quan tâm đến trào lưu đang bàn, hướng dẫn nhiều nghiên cứu sinh vận dụng lý thuyết của nó, năm 2015, tại Hội thảo Kỷ niệm 100 năm ngày sinh học giả, nhà văn Nguyễn Đồng Chi tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, TS. Hồ Quốc Hùng phát biểu: Nguyễn Đồng Chi có nhiều nhận xét tinh tường mà nếu ngày nay đối chiếu với trào lưu bối cảnh ở Mỹ thì có nhiều điểm không hề xa lạ với nhau. “Cần phải nói rằng ông đã tiến hành phương pháp của mình khi trào lưu bối cảnh của Mỹ chưa ra đời”¹. Nhận xét của TS. Hồ Quốc Hùng là chính xác.

Song có lẽ trong khi tập trung suy nghĩ về học giả Nguyễn Đồng Chi, TS. Hồ Quốc Hùng chưa bàn đến những đóng góp của các tác giả Việt Nam khác trong vấn đề đang bàn. Chúng tôi chỉ nêu mấy thí dụ. Với GS. Đinh Gia Khánh, muộn nhất là từ năm 1962, sinh viên Khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã biết đến khái niệm “người diễn xướng”, đã biết đến cái gọi là “bối cảnh”, “môi trường” như sinh hoạt tập thể, lao động sản xuất, hội hè, mà ở đó, văn nghệ, văn học dân gian nảy nở, đã được dạy rằng, tác phẩm văn học dân gian không bao giờ có nội dung và hình thức tuyệt đối cố định².

Năm 1977, trong bài “Ý nghĩa của việc nghiên cứu diễn xướng dân gian”, PGS.TS. Đặng Văn Lung quan niệm *tác phẩm, diễn xướng, thưởng thức, hiệu quả nghệ thuật* là bốn khâu của một quá trình khép kín của văn nghệ dân gian. Tác giả cũng trả lời câu hỏi diễn xướng bao gồm những yếu tố nào? Không phải mọi ý kiến của tác giả đều đã thuyết phục, nhưng đây là những suy nghĩ độc lập của nhà nghiên cứu, không phụ thuộc vào sách vở nước ngoài³.

Đáng chú ý nhất là bản báo cáo “Về việc nghiên cứu thi pháp văn học dân gian” của PGS. Chu Xuân Diên. Bản báo cáo được trình bày tại Hội nghị văn hóa dân gian do Ban Văn hóa dân gian (Thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam) tổ chức năm 1980 tại Hà Nội. Sau đó, bài viết được công bố trên Tạp chí *Văn học*, số 5 năm 1981. Bài viết tiếp tục được tái công bố trong các cuốn sách của cùng tác giả: *Văn hóa dân gian mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại* (2001, 2006), *Mấy vấn đề văn hóa và văn học dân gian Việt Nam* (2004), *Nghiên cứu văn hóa dân gian phương pháp, lịch sử, thể loại* (2008). Nếu nắm vững tư tưởng, luận điểm của bài viết này, các nghiên cứu sinh sẽ thành công hơn khi vận dụng lý thuyết và ứng dụng đối với trào lưu nghiên cứu folklore trong bối cảnh⁴.

Tóm lại, trong nghiên cứu liên ngành, khoa văn học dân gian không nên đánh mất mình, các tác giả không chỉ cần hiểu biết chính xác, đầy đủ lý thuyết vận dụng mà còn cần công bằng

¹ Hồ Quốc Hùng, “Nguyễn Đồng Chi – nhà sưu tầm, khảo cứu văn học dân gian từ thực tiễn đến lý luận”, trong: *Nguyễn Đồng Chi học giả - nhà văn*, Nhiều tác giả, (NXB Trẻ, 2015), 111.

² Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, *Văn học dân gian Việt Nam*, (NXB Giáo dục, 1962), 44-45.

³ Xem: Đặng Văn Lung, “Ý nghĩa của việc nghiên cứu diễn xướng dân gian”, Tạp chí *Văn học*, số 6, 1977, in lại trong: Đặng Văn Lung, *Sống đời và hoa trôi*, (NXB Khoa học xã hội, 2001).

⁴ Xem thêm: Nguyễn Thị Thùy, “Truyện cười ở các làng cười Bắc Bộ: đặc điểm thi pháp và diễn xướng”, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2023.

đối với lịch sử nghiên cứu văn học dân gian ở nước nhà.

4. Một số nhà khoa học ngoài ngành không thành công do chưa nắm vững tri thức của khoa nghiên cứu văn học dân gian

Nếu nhà nghiên cứu văn học dân gian sử dụng tri thức dân tộc học thì không ai hạn chế nhà dân tộc học sử dụng tri thức của khoa nghiên cứu văn học dân gian. Cũng không ai phản đối những người ngoài ngành làm công việc của người nghiên cứu văn học viết, nghiên cứu văn học dân gian. Vấn đề là làm như thế nào và kết quả ra sao? Không quan tâm/ không nắm vững thi pháp văn học dân gian và thi pháp văn học viết, nhà dân tộc học khả kính, đồng thời là hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, GS. Đặng Nghiêm Vạn đã phạm sai lầm đáng tiếc khi ông tham gia biên soạn *Tổng tập văn học Việt Nam*. Đây là bộ sách lớn, rất quan trọng do Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam trước đây (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) chủ trì, Nhà xuất bản Khoa học xã hội công bố. Bộ sách gồm 42 tập (bản in năm 2000) có nhiệm vụ giới thiệu diện mạo văn học viết Việt Nam từ thế kỷ X đến năm 1945. Trong các tập 39, 40, 41 xuất bản năm 2000 (tức là các tập 37A, 37B, 37C xuất bản năm 1996), ông đã đưa vào đây luật tục Ê Đê, luật tục Mơ Nông, sử thi của người Ê Đê, Mơ Nông, Mường với quan niệm đó là văn học thành văn/ văn học viết¹.

Nhân đây, xin nói thêm, năm 2003, PGS.TS. dân tộc học Nguyễn Ngọc Thanh cho biết các nhà chuyên môn với ông khi tham gia nghiên cứu tổng thể kinh tế - xã hội, “mặc dù có những đóng góp nhất định, nhưng một phần do chưa có kinh nghiệm về kiểu nghiên cứu này, một phần lại thoát ly khỏi thế mạnh của ngành nên ở đôi công trình dường như đi làm thay nhiệm vụ, chức năng của ngành khác làm cho kết quả nghiên cứu bị hạn chế”².

Một số tác giả thuộc các chuyên ngành khác cũng để lại kinh nghiệm tiêu cực trong vấn đề đang bàn. Nhà sử học, khảo cổ học nổi tiếng, đồng thời là hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, do không để ý đến tri thức chuyên ngành văn học dân gian, đã giải thích sử thi là thơ chép sử. Một hội viên khác ở miền Tây Nam Bộ, chủ yếu nghiên cứu lịch sử, do không quan tâm đến các thuật ngữ thể loại của chuyên ngành văn học dân gian, đã dùng những từ ngữ lạ lẫm như “chuyện tích”, “giả thuyết” trong tên sách khi công bố sưu tầm truyện dân gian.

Mỗi nhà chuyên môn nên đào sâu và phát triển tri thức khoa học chuyên ngành; trước và trong khi nghiên cứu liên ngành không nên đánh mất ngành mình và cần hiểu đúng tri thức khoa học của ngành khác./.

Hà Nội 3 /7 /2026

N.X.K

¹ Về bộ *Tổng tập văn học Việt Nam*, chi tiết xin xem: Nguyễn Xuân Kính, “Thành công và hạn chế của cuốn sách viết về một nhà khoa học”, Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, số 4, 2020.

² Nguyễn Ngọc Thanh, “Nghiên cứu thiết chế xã hội các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc: thành tựu và những vấn đề đặt ra”, trong *Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI*, Khổng Diễn, Bùi Minh Đạo đồng chủ biên, (NXB Khoa học xã hội, 2003), 539.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Văn Tiêng. “Bàn về cách ứng xử nghệ thuật của truyện cổ tích *Tám Cám*”. Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 4 (1996): 24-25.
- Chu Xuân Diên. “Về việc nghiên cứu thi pháp văn học dân gian”. Tạp chí *Văn học*, số 5 (1981): 19-26.
- Chu Xuân Diên. “Về cái chết của mẹ con người dì ghẻ trong truyện *Tám Cám*”. Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 2 (1999): 7-33.
- Đặng Nghiêm Vạn chủ biên. *Tổng tập văn học Việt Nam*, các tập 39, 40, 41, NXB Khoa học xã hội, 2000.
- Đặng Văn Lung. *Sông đời và hoa trôi*, NXB Khoa học xã hội, 2001.
- Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên. *Văn học dân gian Việt Nam*. NXB Giáo dục, 1962.
- Đinh Gia Khánh. *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện “Tám Cám”*. NXB Văn học, 1968.
- Đinh Gia Khánh. “Phương pháp tổng hợp trong nghiên cứu folklore”. Trong: *Văn hóa dân gian những phương pháp nghiên cứu*, Viện Văn hóa dân gian. NXB Khoa học xã hội, 1990.
- Hoàng Tiến Tựu. *Bình giảng truyện dân gian*. NXB Giáo dục, 1994.
- Khổng Diễn, Bùi Minh Đạo đồng chủ biên. *Dân tộc học Việt Nam thế kỉ XX và những năm đầu thế kỉ XXI*. NXB Khoa học xã hội, 2003.
- Lê Thị Thanh Vy. “Nghiên cứu folklore trong bối cảnh - lý thuyết và ứng dụng (trên cứ liệu tục ngữ Việt Nam)”. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2020.
- Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan đồng chủ biên. *Folklore thế giới một số công trình nghiên cứu cơ bản*. NXB Khoa học xã hội, 2005.
- Nguyễn Đồng Chi. *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 5. Viện Văn học xuất bản, 1993.
- Nguyễn Thị Thùy. “Truyện cười ở các làng cười Bắc Bộ: đặc điểm thi pháp và diễn xướng.” Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2023.
- Nguyễn Xuân Kính. *Trên đường tìm hiểu văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam*. NXB Văn hóa dân tộc, 2019.
- Nhà xuất bản Khoa học xã hội. *10 năm Nhà xuất bản Khoa học xã hội 1967-1977*. NXB Khoa học xã hội, 1977.
- Nhiều tác giả. *Nguyễn Đồng Chi học giả - nhà văn*. NXB Trẻ, 2015.
- Phạm Hải Triều. “Thử phân tích vài biểu hiện của đặc điểm nhân ái trong truyện cổ tích Việt”. Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1 (1996): 28-30.
- Phạm Xuân Nguyên. “Đôi điều suy nghĩ về truyện *Tám Cám*”. Tạp chí *Văn hóa dân gian*. số 2 (1994): 50-51.
- Trương Văn Món. *Văn học Chăm tiếp cận qua văn bản*, tập 2. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2025.